

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày 29-9-2022.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hùng;

Ông Tạ Kỳ Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố B N 2, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Võ Văn S, sinh năm 1978- Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố B N 1, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh S chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã G B (nay là phường G B). Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh S tại ấp B N 1, xã G B (nay là khu phố B N 1, phường G B). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường chơi cờ bạc, thiếu nợ nhiều lần nên chị phải trả, ngoài ra, những lúc vợ chồng cãi nhau anh S còn đánh chị. Tháng 10-2020, chị bỏ về nhà anh ruột chị sống tại khu phố

B N 2, phường G B và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh S không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 một con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 08-11-2004, hiện đang theo sống với anh S. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Thuận cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh S đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh S không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh S.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn anh Võ Văn S.

Về con chung: Giao cháu Võ Minh T, sinh ngày 08-11-2004 cho anh Võ Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Võ Văn S vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G B (nay là phường G B) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10-2020 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Nương trình bày là do anh S thường chơi cờ bạc thiếu nợ và khi vợ chồng cãi nhau anh S có đánh chị. Qua xác minh tại địa phương nơi chị L và anh S chung sống không thể hiện được giữa chị L và anh S có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần mời anh S đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S đều không đến, chứng tỏ anh S không có thiện chí hàn gắn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh S trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Minh T, sinh ngày 08-11-2004, hiện đang theo sống với anh S. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu Thuận, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh S, chị L cũng đồng ý giao cháu Thuận cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng nên có căn cứ giao cháu T cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ly hôn anh Võ Văn S.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Võ Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Minh T, sinh ngày 08-11-2004 cho anh Võ Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026514 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị L, anh S biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Linh Ngọc**